

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu Đường Sài Gòn

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đã được kiểm toán)

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu Đường Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu Đường Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313365915 ngày 23/7/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 27/10/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313365915 đăng ký thay đổi lần 6 ngày 27/10/2016 là 268.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tám tỷ đồng).

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (08) 54 221 230

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Võ Thụy Linh	Chủ tịch HĐQT
Ông Lưu Xuân Thủy	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Phan Văn Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Đông	Thành viên
Ông Trần Phúc Tụ	Thành viên
Ông Trần Văn Thế	Thành viên
Ông Phạm Minh Phúc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Văn Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Võ Thụy Linh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Thế	Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Ngọc Tú

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán Com.PT đã được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu Đường Sài Gòn

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 28. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

Võ Thụy Linh

Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2016

Số: 15/2017/BCTC-COM.PT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu Đường Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu Đường Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 07/03/2016, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Lê Thị Hòa

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0653-2014-069-1

Vũ Hoàng Giang

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0439-2013-69-1

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		852.190.203.971	228.639.702.581
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	143.865.775.195	18.015.825.583
1. Tiền	111		11.115.296.702	1.015.825.583
2. Các khoản tương đương tiền	112		132.750.478.493	17.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	87.479.133.058	204.980.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		87.479.133.058	204.980.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		403.718.636.543	5.546.092.922
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	10.956.189.907	5.405.457.432
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	357.122.508.906	19.483.650
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	35.639.937.730	121.151.840
IV. Hàng tồn kho	140		179.960.485.756	60.252.787
1. Hàng tồn kho	141	V.6	179.960.485.756	60.252.787
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		37.166.173.419	37.531.289
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.615.636.998	37.531.289
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		35.550.536.421	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		444.528.739.448	41.005.850.755
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		354.100.000	24.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		354.100.000	24.000.000
II. Tài sản cố định	220		82.073.544.007	33.915.000
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	82.073.544.007	33.915.000
<i>Nguyên giá</i>	222		83.750.873.293	33.915.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.677.329.286)	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9	256.440.231.555	-
<i>Nguyên giá</i>	231		258.876.779.555	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(2.436.548.000)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	105.088.277.424	40.687.454.600
1. Đầu tư vào công ty con	251		105.088.277.424	40.687.454.600
V. Tài sản dài hạn khác	260		572.586.462	260.481.155
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		572.586.462	260.481.155
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.296.718.943.419	269.645.553.336

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.025.029.357.279	2.618.668.874
I. Nợ ngắn hạn	310		926.663.170.150	1.618.668.874
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	171.235.429.622	516.410.352
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	719.530.393.777	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.091.001.178	80.571.818
4. Phải trả người lao động	314		1.676.807.351	46.918.200
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	1.854.390.136	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	1.179.148.086	974.768.504
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	30.096.000.000	-
II. Nợ dài hạn	330		98.366.187.129	1.000.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337		98.366.187.129	1.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		271.689.586.140	267.026.884.462
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	271.689.586.140	267.026.884.462
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		268.000.000.000	268.000.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.689.586.140	(973.115.538)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(973.115.538)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.662.701.678	(973.115.538)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.296.718.943.419	269.645.553.336

Cam Thị Minh Hải

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Tú

Kế toán trưởng

Võ Thụy Linh

Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	67.514.624.106	5.308.182.584
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		431.702.161	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		67.082.921.945	5.308.182.584
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	52.656.232.805	2.999.649.670
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.426.689.140	2.308.532.914
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.476.472.567	155.482.692
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	135.014.000	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		135.014.000	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	17.078.563.376	3.437.131.144
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.689.584.331	(973.115.538)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	20.464.451	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	85.279.233	-
13. Lợi nhuận khác	40		(64.814.782)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.624.769.549	(973.115.538)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	962.067.871	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.662.701.678	(973.115.538)

Cam Thị Minh Hải
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Tú
Kế toán trưởng

Võ Thụy Linh
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		766.995.595.973	310.203.400
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(568.276.675.723)	(4.728.663.741)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(19.552.254.985)	(1.778.267.486)
4 Tiền lãi vay đã trả	04		(97.707.500)	-
5 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		112.328.868.682	2.095.656.620
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(50.069.895.776)	(478.942.698)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		241.327.930.671	(4.580.013.905)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(137.149.749.522)	-
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(241.385.363.173)	(204.980.000.000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24		288.885.900.115	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(64.400.822.824)	(40.687.454.600)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.476.054.345	155.482.692
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(145.573.981.059)	(245.511.971.908)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	268.000.000.000
2 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3 Tiền thu từ đi vay	33		30.096.000.000	107.811.396
4 Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		30.096.000.000	268.107.811.396
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		125.849.949.612	18.015.825.583
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.015.825.583	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		143.865.775.195	18.015.825.583

Cam Thị Minh Hải
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Tú
Kế toán trưởng

Võ Thụy Linh
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu Đường Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313365915 ngày 23/7/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 27/10/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313365915 đăng ký thay đổi lần 6 ngày 27/10/2016 là 268.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tám tỷ đồng).

Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông khác	Số vốn đăng ký trên GCNĐKDN		Số thực góp tại 31/12/2016	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	80.400.000.000	30,00%	80.400.000.000	30,00%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	26.800.000.000	10,00%	26.800.000.000	10,00%
- Võ Thụy Linh	160.800.000.000	60,00%	160.800.000.000	60,00%
	268.000.000.000	100,00%	268.000.000.000	100,00%

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Xây dựng Công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hàng bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động của vận tải và môi giới bảo hiểm;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn bảo hiểm có liên quan;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Sản xuất than cốc;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô và các xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;

Hoạt động kinh doanh chính của công ty

- Cho thuê văn phòng, kinh doanh vé máy bay;
- Quản lý và vận hành trạm thu phí đường bộ; cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin
- Cung cấp vật tư thiết bị, thi công xây dựng công trình.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

4. Cấu trúc Công ty

Danh sách Công ty con tại 31/12/2016:

- Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hàm đường bộ Hải Vân
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng VIETIN
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Thạch

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các đơn vị trực thuộc tại 31/12/2016:

Xí nghiệp 1 - Địa chỉ: Số 44 Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Xí nghiệp Quản lý vận hành hầm đường bộ - Địa chỉ: Thôn Hào Sơn, xã Hòa Xuân Nam, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm. Bắt đầu từ ngày 01/01/2016 kết thúc vào ngày 31/12/2016

2. Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán Công ty áp dụng là đồng Việt Nam (VNĐ) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày BCTC

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định của pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với tiền tệ sử dụng trong kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh, trên cơ sở sau:

- Các khoản nợ phải thu phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Các khoản nợ phải trả phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại thời điểm cuối năm các khoản mục mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ như tài sản (tiền, phải thu và tài sản tiền tệ khác) và công nợ (vay, phải trả và công nợ khác) được quy đổi theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại mà Công ty có tài khoản tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

(i) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn,... Các khoản đầu tư này phản ánh theo nguyên giá (giá gốc) trừ Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này.

(ii) Các khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, bao gồm: Tài sản góp vốn và các chi phí khác có liên quan trực tiếp sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ trước đó đã được lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

(iii) Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

7. Công cụ dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

(i) Nguyên giá

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính**Mẫu số B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 "Tài sản cố định hữu hình". Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái sẵn sàng hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính mà chi phí phát sinh trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai, dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm: Chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác được phê duyệt.

(ii) Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	08 - 25
- Máy móc, thiết bị	06 - 12
- Phương tiện vận tải	08 - 12
- Thiết bị văn phòng	06 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là khoản chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua, các loại thuế không hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động sản xuất theo dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi Tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng.... được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh của năm tài chính.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản, bao gồm: Chi phí xây dựng, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

12. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. Chi phí phải trả

- Chi phí phải trả là các khoản chi phí chưa chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
- Chi phí phải trả của Công ty gồm: Chi phí lãi vay tính bổ sung đến 31/12, các khoản chi phí trích trước cho hoạt động sản xuất kinh doanh khác

14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian, được ghi nhận theo nghĩa vụ thực tế phát sinh theo nguyên tắc

Phải trả người bán, gồm: Các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh liên kết)

Phải trả khác, gồm: Các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, như: Phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, ...
- Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập Báo cáo tài chính

15. Các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của Chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế vốn góp của các cổ đông

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá phát hành cổ phiếu (nếu có) chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ (nếu có).

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

17. Vốn Cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ và thặng dư vốn Cổ phần

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (Cổ phiếu quỹ) (nếu có): Khi Cổ phiếu được ghi nhận như Vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền đã trả để mua Cổ phiếu, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào Vốn chủ sở hữu. Việc mua lại cổ phiếu được phân loại như cổ phiếu quỹ theo Vốn chủ sở hữu. Khi các cổ phiếu quỹ này được bán hoặc phát hành lại số tiền thu được ghi nhận như một khoản tăng thêm của Vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thặng dư hay thiếu hụt giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của Cổ phiếu quỹ, tính theo phương pháp bình quân gia quyền, được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần

18. Các khoản Thuế

(i) Thuế GTGT, Thuế GTGT được hoàn, Thuế môn bài, Thuế TNCN, Thuế Nhà thầu nước ngoài được xác định các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến các sắc thuế này

(ii) Thuế TNDN

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bao gồm Thuế thu nhập hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có). Số thuế thu nhập phải trả hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế trong kỳ khác với lợi nhuận thuần trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay các chi phí tính thuế được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản không chịu thuế hoặc không được khấu trừ theo quy định của luật thuế TNDN

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế Thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo lãi suất dự tính sẽ được áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào Vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào Vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về Thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

Xác định lỗ và chuyển lỗ (nếu có) được xác định theo quy định tại điều 7 tại quy định 218/2013 ND-CP ngày 26/12/2013

19. Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" như sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" như sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(iii) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

(iii) Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính

20. Giá vốn

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

21. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí đi vay: ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế

22. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác

(i) Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển

(ii) Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

(iii) Chi phí khác là khoản chi phí ngoài các khoản chi phí nêu trên

23. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết là các bên liên quan của Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tiền mặt	28.639.886	130.281.933
Tiền gửi ngân hàng	11.086.656.816	885.543.650
Các khoản tương đương tiền	132.750.478.493	17.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>		
- Ngân hàng TMCP Quốc dân - CN Hà Nội	11.646.758.170	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương	58.184.132.963	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	13.174.587.360	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	49.745.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN 3 tháng 2	-	12.000.000.000
	143.865.775.195	18.015.825.583

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Phụ lục 01

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	446.299.378	119.510.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu	8.117.901.986	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Ban Mai	1.340.390.800	163.053.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	-	63.584.000
Công ty Cổ phần Truyền thông đầu tư Việt	250.563.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	-	4.404.420.536
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	201.980.590	131.696.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	-	61.395.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	356.249.912	92.001.132
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV VIỆT NAM	21.339.678	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	-	12.986.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Trung Hải	16.347.000	11.902.000
Khách hàng khác	205.117.563	344.909.764
Cộng	10.956.189.907	5.405.457.432

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Én Việt	-	9.337.500
KH GLOBAL PTE LTD	10.146.150	10.146.150
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Quốc gia ADG	1.556.878.930	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bán Thái	8.608.969.500	-
Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long	102.763.623.602	-
Công ty Cổ phần HHS ĐẠI AN	47.350.820.862	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hàm đường bộ Hải Vân	90.483.997.000	-
Công ty Cổ phần Morehome	748.484.000	-
Công ty TNHH Thép QSB	4.690.652.128	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Sao Đỏ	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Máy & Thiết bị phụ tùng	900.000.000	-
Công ty STANDARD RESOURCES PTE LTD	8.103.520.845	-
Công ty STANFORD ENERY PTE LTD	13.989.466.650	-
Công ty TNHH TM Thạnh Đức	3.202.059.091	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TM Trung Hải	31.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Máy tính tích hợp hệ thống truyền thông (CISCOM CORP)	41.381.433.200	-
Các đối tượng khác	1.032.456.948	-
Cộng	357.122.508.906	19.483.650

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	35.639.937.730	-	121.151.840	-
Tạm ứng	24.920.845.491	-	108.502.000	-
Các khoản phải thu khác	10.673.141.786	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	35.609.222	-	10.150.000	-
Dư nợ phải trả khác	10.341.231	-	2.499.840	-

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

b. Dài hạn	354.100.000	-	24.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	235.000.000	-	-	-
Phải thu khác	119.100.000	-	24.000.000	-
	35.994.037.730	-	145.151.840	-

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Chi phí SXKD dở dang	176.850.563.102	-	60.252.787	-
Chi phí SXKD dở dang hoạt động dịch vụ	1.343.372.715	-	60.252.787	-
Chi phí SXKD dở dang hợp đồng xây dựng	175.507.190.387	-	-	-
Hàng hoá	3.109.922.654	-	-	-
Cộng	179.960.485.756	-	60.252.787	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
a, Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.615.636.998	37.531.289
b, Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	572.586.462	260.481.155
	2.188.223.460	298.012.444

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Phụ lục 02

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	-	-	-
Tăng trong kỳ	111.604.052.282	147.272.727.273	258.876.779.555
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	111.604.052.282	147.272.727.273	258.876.779.555
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	2.436.548.000	-	2.436.548.000
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	2.436.548.000	-	2.436.548.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	109.167.504.282	147.272.727.273	256.440.231.555

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Mặt trời Châu Á	-	-	113.591.228	113.591.228
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Công Nghiệp Á Châu	5.235.191.294	5.235.191.294	-	-
Công ty Cổ phần AE&T	1.328.346.596	1.328.346.596	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Ban Mai	49.896.060	49.896.060	54.173.915	54.173.915
Công ty TNHH Điện - Điện tử Di An	1.386.000.000	1.386.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	142.485.182.778	142.485.182.778	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	6.534.000.000	6.534.000.000	-	-
Công ty TNHH Vận tải Du lịch DV TM Phú Thịnh	-	-	126.328.549	126.328.549
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Thiên Ân	2.253.750.000	2.253.750.000	-	-
Công ty TNHH DVDL VÀ TM Điềm đến Toàn cầu	879.877.794	879.877.794	-	-
Công ty Cổ phần Máy tính Tích hợp Hệ thống truyền thông (CISCOM CORP)	-	-	113.499.100	113.499.100
WELLY ENTERPRISES LIMITED	9.202.059.830	9.202.059.830	-	-
Các khách hàng khác	1.881.125.270	1.881.125.270	108.817.560	108.817.560
Cộng	171.235.429.622	171.235.429.622	516.410.352	516.410.352

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	1.965.906.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	691.271.562.084	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	14.467.639.220	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hầm đường bộ Hải Vân	11.825.286.473	-
Cộng	719.530.393.777	-

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
	Thuế GTGT	54.631.652	9.348.124.267	9.402.755.919
Thuế TNDN	-	962.067.871	-	962.067.871
Thuế TNCN	25.440.166	337.410.884	233.917.743	128.933.307
Các loại thuế khác	500.000	892.829.115	893.329.115	-
	80.571.818	11.540.432.137	10.530.002.777	1.091.001.178

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay đến 31/12	37.306.500	-
Trích trước chi phí hoạt động	1.817.083.636	-
	1.854.390.136	-

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	1.179.148.086	974.768.504
Kinh phí công đoàn	24.110.803	6.350.108
Bảo hiểm xã hội	111.676.133	-
Bảo hiểm Y tế	19.902.933	-
Bảo hiểm thất nghiệp	8.282.249	-
Tạm ứng (dư có 141)	-	6.692.000
Nhận ký quỹ, ký cược	950.000.000	850.000.000
Phải trả phải nộp khác	65.175.968	111.726.396
Dài hạn	98.366.187.129	1.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	98.366.187.129	1.000.000.000
	99.545.335.215	1.974.768.504

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Phụ lục 03

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2016	268.000.000.000	-	(973.115.538)	267.026.884.462
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	5.624.769.549	5.624.769.549
Tăng khác	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(962.067.871)	(962.067.871)
Tại ngày 31/12/2016	268.000.000.000	-	3.689.586.140	271.689.586.140

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông khác	Số vốn thực góp tại 31/12/2016		Số thực góp tại 01/01/2016	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Ban Mai	-	0,00%	13.400.000.000	0,00%
- Công ty Cổ phần XD và Đầu Tu 492	-	0,00%	8.040.000.000	0,00%
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	-	0,00%	13.400.000.000	0,00%
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	80.400.000.000	30,00%	80.400.000.000	0,00%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	26.800.000.000	10,00%	26.800.000.000	0,00%
- Lưu Xuân Thủy	-	0,00%	58.960.000.000	0,00%
- Phạm Đình Thuận	-	0,00%	67.000.000.000	0,00%
- Võ Thụy Linh	160.800.000.000	60,00%	-	0,00%
	268.000.000.000	100,00%	268.000.000.000	0,00%

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng hóa	11.984.959.013	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.187.721.917	5.308.182.584
Doanh thu xây dựng	12.504.710.896	-
Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư	11.837.232.280	-
	67.514.624.106	5.308.182.584

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hoá	11.489.139.378	-
Giá vốn dịch vụ	24.580.450.334	2.999.649.670
Giá vốn xây dựng	12.548.728.425	-
Giá vốn kinh doanh BĐS đầu tư	4.037.914.668	-
	52.656.232.805	2.999.649.670

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.476.472.567	155.482.692
	8.476.472.567	155.482.692

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	135.014.000	-
	135.014.000	-

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.580.565.292	1.858.377.590
Chi phí vật liệu quản lý	13.852.000	1.210.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	836.395.065	41.490.141
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.590.966.377	-
Thuế, phí và lệ phí	27.745.545	2.665.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.514.520.920	1.533.388.413
Chi phí bằng tiền khác	1.514.518.177	-
	17.078.563.376	3.437.131.144

6. THU NHẬP KHÁC

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Thanh lý tài sản	20.170.577	-
Thu nhập khác	293.874	-
	20.464.451	-

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. CHI PHÍ KHÁC

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt	27.426.233	-
Chi phí khác	57.853.000	-
	85.279.233	-

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	31/12/2016
	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	962.067.871
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp	962.067.871
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	962.067.871
	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.624.769.549
Các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế TNDN	
Các khoản chi phí không được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế TNDN	158.685.345
Số lỗ chưa sử dụng (lỗ các năm trước được trừ vào lợi nhuận trước thuế)	973.115.538
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.810.339.356
Thuế TNDN	962.067.871
Thuế TNDN được giảm	-
Thuế TNDN phải nộp	962.067.871

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	143.865.775.195	1.015.825.583	143.865.775.195	1.015.825.583
Phải thu khách hàng, phải thu khác	46.950.227.637	5.550.609.272	46.950.227.637	5.550.609.272
	190.816.002.832	6.566.434.855	190.816.002.832	6.566.434.855
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	30.096.000.000	-	30.096.000.000	-
Phải trả người bán, phải trả khác	270.780.764.837	2.491.178.856	270.780.764.837	2.491.178.856
Chi phí phải trả	1.854.390.136	-	1.854.390.136	-
	302.731.154.973	2.491.178.856	302.731.154.973	2.491.178.856

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích trình bày trên Báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	143.865.775.195	-	-	143.865.775.195
Phải thu khách hàng, phải thu khác	46.950.227.637	-	-	46.950.227.637
	190.816.002.832	-	-	190.816.002.832
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.015.825.583	-	-	1.015.825.583
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.550.609.272	-	-	5.550.609.272
	6.566.434.855	-	-	6.566.434.855

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	30.096.000.000	-	-	30.096.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	270.780.764.837	-	-	270.780.764.837
Chi phí phải trả	1.854.390.136	-	-	1.854.390.136
	302.731.154.973	-	-	302.731.154.973
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	2.491.178.856	-	-	2.491.178.856
Chi phí phải trả	-	-	-	-
	2.491.178.856	-	-	2.491.178.856

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

3. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu Tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Cổ đông sáng lập
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Cổ đông sáng lập
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hàm đường bộ Hải Vân	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng VIETIN	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Thạch	Công ty con

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2016
<u>Bên liên quan</u>	VND
Công ty Cổ phần Đầu Tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	9.034.848.205
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	23.574.925.946
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hàm đường bộ Hải Vân	2.240.207.878
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng VIETIN	887.495.500
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Thạch	205.230.780

Mua hàng và dịch vụ	Năm 2016
<u>Bên liên quan</u>	VND
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hàm đường bộ Hải Vân	7.783.335.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Thạch	261.185.182.778

c. Số dư với các bên liên quan

1. Phải thu của khách hàng

	31/12/2016	31/12/2015
<u>Bên liên quan</u>	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu Tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	-	63.584.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	-	4.404.420.536

THUYẾT MINH Báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hàm đường bộ Hải Vân	-	9.410.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Thạch	-	61.395.000
	-	4.538.809.536

2. Trả trước cho người bán

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hàm đường bộ Hải Vân	90.483.997.000	-
	90.483.997.000	-

3. Phải trả người bán

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Thạch	142.485.182.778	-
	142.485.182.778	-

4. Người mua trả tiền trước

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	1.965.906.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	691.271.562.084	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hàm đường bộ Hải Vân	11.825.286.473	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Thạch	14.467.639.220	-
	719.530.393.777	-

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán COM.PT kiểm toán.

Cam Thị Minh Hải
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Tú
Kế toán trưởng

Võ Thụy Linh
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Phụ lục 01

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Cho vay	7.741.666.666	7.741.666.666		
Các khoản đầu tư khác	79.737.466.392	79.737.466.392	204.980.000.000	204.980.000.000
Cộng	87.479.133.058	87.479.133.058	204.980.000.000	204.980.000.000

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016			31/12/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	105.088.277.424	105.088.277.424	-	40.687.454.600	40.687.454.600	-
- Công Ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Hầm đường bộ Hải Vân	62.688.277.424	62.688.277.424	-	40.687.454.600	40.687.454.600	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng VIETIN	26.400.000.000	26.400.000.000	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hải Thạch	16.000.000.000	16.000.000.000	-	-	-	-
Cộng	105.088.277.424	105.088.277.424	-	40.687.454.600	40.687.454.600	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Phụ lục 02

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Tại ngày 01/01/2016	-	-	-	33.915.000	-	33.915.000
Số tăng trong năm	55.000.000.000	70.574.398.035	6.432.752.009	871.742.445	5.838.065.804	138.716.958.293
- <i>Mua sắm mới</i>	55.000.000.000	70.574.398.035	6.432.752.009	871.742.445	5.838.065.804	138.716.958.293
Số giảm trong năm	55.000.000.000	-	-	-	-	55.000.000.000
- <i>Chuyển sang bất động sản đầu tư</i>	55.000.000.000	-	-	-	-	55.000.000.000
Tại ngày 31/12/2016	-	70.574.398.035	6.432.752.009	905.657.445	5.838.065.804	83.750.873.293
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2016	-	-	-	-	-	-
Số tăng trong năm	-	447.493.293	490.644.993	262.205.000	476.986.000	1.677.329.286
- <i>Khấu hao trong năm</i>	-	447.493.293	490.644.993	262.205.000	476.986.000	1.677.329.286
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- <i>Chuyển sang bất động sản đầu tư</i>	-	-	-	-	-	-
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	-	447.493.293	490.644.993	262.205.000	476.986.000	1.677.329.286
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2016	-	-	-	33.915.000	-	33.915.000
Tại ngày 31/12/2016	-	70.126.904.742	5.942.107.016	643.452.445	5.361.079.804	82.073.544.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2016

Phụ lục 03

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a, Vay ngắn hạn	30.096.000.000	30.096.000.000	30.096.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Hồ Chí Minh (*)	30.096.000.000	30.096.000.000	30.096.000.000	-	-	-
Cộng	30.096.000.000	30.096.000.000	30.096.000.000	-	-	-

(*) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 16.1980089/2016-HỆTDHM/NHCT900-SBRC ngày 15/09/2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Hồ Chí Minh. Hạn mức cho vay tại mọi thời điểm là 600.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỉ đồng), giải ngân từng lần theo giấy nhận nợ. Thời hạn vay và lãi suất quy định theo từng Giấy nhận nợ.